

Số/ No.:

20250730/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
Tại: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 29/07/2025
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,800	8.25%
2	AGR	100	0.11%
3	APG	100	0.08%
4	BIC	100	0.25%
5	BID	300	0.71%
6	BMI	100	0.13%
7	BSI	100	0.29%
8	BVH	100	0.31%
9	CTG	1,000	2.72%
10	CTS	100	0.25%
11	DSE	200	0.33%
12	EIB	2,000	3.50%
13	EVF	1,000	0.88%
14	FTS	200	0.53%
15	HCM	500	0.81%
16	HDB	3,300	5.60%
17	LPB	3,600	7.85%
18	MBB	4,200	7.20%
19	MIG	100	0.11%
20	MSB	2,900	2.54%
21	NAB	1,900	1.76%
22	OCB	1,800	1.49%
23	ORS	400	0.28%
24	SHB	4,300	4.13%
25	SSB	2,300	2.90%
26	SSI	1,700	3.63%
27	STB	2,400	7.03%
28	TCB	5,800	12.32%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,700	1.67%
31	TVS	100	0.12%
32	VCB	1,100	4.12%
33	VCI	500	1.34%
34	VDS	100	0.11%
35	VIB	3,000	3.37%
36	VIX	1,800	2.76%
37	VND	1,400	1.89%
38	VPB	5,100	7.64%
	Tiền/ Cash (VND)	15,883,720	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND)

1,660,385,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND)

1,676,268,720

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND)

15,883,720

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	23,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BIC	41,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BID	39,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	BSI	49,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
5	BVH	52,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
6	HDB	28,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	MBB	28,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	VCB	62,800	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
9	VCI	44,950	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
10	TCB	35,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VIB	18,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	29/07/2025	28/07/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	19,100,000	19,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	16,270.00	16,890.00	(620)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	320,167,325,548	311,475,418,983	8,691,906,565
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	1,676,268,720	1,630,761,355	45,507,365
của 1 CCQ/ per Share	16,762.68	16,307.61	455.07
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,715.63	2,870.34	(154.71)

27/07/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC